

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-9-2021
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Vinh

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1991

Nơi cư trú: Tổ dân phố M, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T1 - sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn X, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày: Bà và ông Huỳnh Ngọc T1 kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 22/02/2018. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn vì quan điểm sống khác nhau. Hiện tại bà và ông T1 không còn sống chung với nhau nữa và ông bà cũng không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng G, sinh ngày 15/7/2018. Sau khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Ngọc T1 kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 22/02/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp. Bà Thảo yêu cầu ly hôn vì quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông T1 vắng mặt, chứng tỏ ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật để tiến hành xét xử vắng mặt ông T1. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy bị đơn ông Huỳnh Ngọc T1 đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Huỳnh Ngọc T1 kết hôn năm 2018, được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 22/02/2018. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau. Hiện tại bà và ông T1 đã không còn sống chung với nhau. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do, chứng tỏ ông T1 không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân với bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa ông T1 và bà T đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông T1 và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Ông T1 và bà T có 01 con chung tên Huỳnh Hoàng G, sinh ngày 15/7/2018, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu G hiện tại đang ở với bà T, do đó để đảm bảo quyền lợi cho cháu G cần chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T
- Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn ông Huỳnh Ngọc T1.
- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Hoàng G, sinh ngày 15/7/2018 đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Ông T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0004884 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã P
(GCNKH 15/22.02.2018);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

